

# Xin Chào Việt Nam

## Biến động thị trường

|                   | 06/10    | 1 ngày | 1T    | 3T    | YTD   |
|-------------------|----------|--------|-------|-------|-------|
| VNIndex (điểm, %) | 1,759.08 | 0.3    | (3.4) | (4.8) | (1.4) |
| GTGD (tỷ đồng)    | 19,637   |        |       |       |       |
| VN30 (điểm, %)    | 1,898.82 | 0.2    | (3.3) | (4.9) | (6.5) |

## Các chỉ số

|                         | 06/10       | 1 ngày | 1T     | 3T     | YTD    |
|-------------------------|-------------|--------|--------|--------|--------|
| TPCP 1 năm (% ,đcb)     | 3.85        | (0.31) | 0.41   | 3.33   | 27.35  |
| TPCP 3 năm (% ,đcb)     | 4.06        | 0.80   | 1.89   | 3.62   | 30.80  |
| USD/VND (%)             | 25,994.00   | 0.00   | 0.20   | 1.16   | 1.16   |
| JPY/VND (%)             | 164.08      | 0.15   | 2.63   | (1.03) | 2.30   |
| EUR/VND (%)             | 29,241.00   | (0.06) | 3.58   | 2.81   | 5.53   |
| CNY/VND (%)             | 3,877.22    | (0.02) | 0.11   | (0.20) | (2.95) |
|                         | Phiên trước | 1 ngày | 1T     | 3T     | YTD    |
| TPKB Mỹ 10 năm (% ,đcb) | 5.30        | 0.37   | 10.80  | 16.42  | 27.16  |
| WTI (USD/thùng, %)      | 90.25       | 0.91   | (1.34) | 28.12  | 57.18  |
| Vàng (USD/oz, %)        | 4,155.95    | (0.06) | (5.37) | 0.49   | (3.50) |

## Giao dịch tự doanh

| Mua ròng | (Tỷ đồng) | Bán ròng | (Tỷ đồng) |
|----------|-----------|----------|-----------|
| VPB      | 80.7      | SSI      | (30.5)    |
| VIC      | 36.6      | NAB      | (25.4)    |
| FPT      | 31.2      | TCB      | (15.8)    |
| VCB      | 30.2      | MBB      | (11.9)    |
| MWG      | 26.9      | MSB      | (11.2)    |

## Giao dịch khối ngoại

| Mua ròng | (Tỷ đồng) | Bán ròng | (Tỷ đồng) |
|----------|-----------|----------|-----------|
| SHB      | 78.4      | HDB      | (1,957.6) |
| VIC      | 78.0      | VJC      | (770.7)   |
| GMD      | 59.8      | PNJ      | (101.6)   |
| VND      | 49.7      | TCB      | (85.5)    |
| DCM      | 45.1      | ACB      | (69.7)    |

## Biến động theo ngành

| Top 5 ngành tăng   | %    | Top 5 ngành giảm   | %      |
|--------------------|------|--------------------|--------|
| Dược & sinh học    | 6.74 | Dịch vụ tiêu dùng  | (3.30) |
| Tài chính đa dạng  | 4.19 | Phần mềm & dịch vụ | (2.36) |
| Năng lượng         | 2.30 | Ô tô & phụ tùng    | (0.89) |
| F&B                | 1.32 | Bất động sản       | (0.60) |
| Thiết bị & DV y tế | 0.86 | Hàng hóa vốn       | (0.40) |

## CÓ GÌ HÔM NAY?

### Nhận định thị trường & Tin tức

- Nhận định thị trường:** Đảo chiều cuối phiên

### Vĩ mô & Chiến lược

- Chứng quyền có bảo đảm:** Tâm lý tiêu cực
- Market Trader:** Khối ngoại bán ròng kỷ lục

### Lịch sự kiện

## Ước tính tổng lợi nhuận doanh nghiệp các cổ phiếu trong VN30

|      | LNHH<br>(Tỷ đồng) | LN ròng<br>(Tỷ đồng) | Tăng EPS<br>(% n/n) | PE<br>(x) | PB<br>(x) | PS<br>(x) | ROE<br>(%) |
|------|-------------------|----------------------|---------------------|-----------|-----------|-----------|------------|
| 2023 | 2,156             | 284                  | 102.0               | 11.7      | 1.6       | 1.3       | 14.3       |
| 2024 | 2,230             | 336                  | 123.1               | 11.7      | 1.6       | 1.5       | 14.8       |
| 2025 | 1,431             | 401                  | 129.6               | 17.4      | 2.4       | 2.0       | 15.5       |
| 2026 | 1,894             | 525                  | 179.3               | 10.6      | 1.9       | 1.7       | 17.5       |

Nguồn: KIS Research, Bloomberg

## Các chỉ báo vĩ mô Việt Nam

|                             | 4Q24   | 1Q25   | 2Q25   | 3Q25   | 4Q25   | 1Q26   | 2Q26   |
|-----------------------------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|
| GDP (% n/n)                 | 7.6    | 7.0    | 8.2    | 8.3    | 8.5    | 7.9    | 8.4    |
| Cán cân thương mại (tỷ USD) | 4.0    | 3.2    | 4.4    | 8.9    | 3.2    | (3.6)  | (3.6)  |
| CPI (% n/n, TB)             | 2.9    | 3.2    | 3.3    | 3.3    | 3.4    | 3.5    | 5.3    |
| Tín dụng (%)                | 13.8   | 16.3   | 17.5   | 13.4   | 17.9   | 15.9   | 16.4   |
| USD/VND (tb)                | 25,386 | 25,565 | 26,121 | 26,424 | 26,296 | 26,342 | 26,312 |
| GDP Mỹ (% n/n)              | 2.5    | (0.3)  | 2.2    | 3.0    | 2.6    | 2.0    | 1.5    |
| GDP Trung Quốc (% n/n)      | 4.8    | 5.4    | 5.2    | 4.8    | 4.5    | 5.0    | 4.3    |

Nguồn: KIS Research, Bloomberg

VUI LÒNG THAM KHẢO NGUYÊN TẮC KHUYẾN NGHỊ, THÔNG TIN CÔNG KHAI VÀ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM Ở CUỐI BÁO CÁO

## Nhận định thị trường & Tin tức

### Nhận định thị trường

#### Đảo chiều cuối phiên

Thị trường ghi nhận diễn biến phân hóa khi sắc xanh và đỏ đan xen trong phiên. Tuy nhiên, lực cầu xuất hiện tại vùng giá thấp đã phần nào hấp thụ áp lực bán, hỗ trợ chỉ số hồi phục và duy trì sắc xanh khi kết phiên.

Kết phiên, VNIndex tăng 0.34%, đóng cửa ở ngưỡng 1,759 điểm. Trong khi đó, VN30Index tăng 0.23%, đóng cửa tại 1,898 điểm.

Khối ngoại bán ròng, với hơn 2,613 tỷ đồng, ở các mã HDB, VJC và PNJ với giá trị lần lượt là 1,957 tỷ đồng, 770 tỷ đồng và 101 tỷ đồng. Ngược lại, họ tập trung mua các mã SHB, VIC và GMD với giá trị lần lượt là 78 tỷ đồng, 78 tỷ đồng và 59 tỷ đồng.

Ngân hàng ghi nhận tăng điểm, ở LPB (+2.09%), VPB (+0.87%), VIB (+0.75%), VCB (+0.53%), CTG (+0.51%) và MBB (+0.26%).

Bất động sản có tỷ suất sinh lợi tốt, nhờ VHM (+1.02%), TCH (+0.91%) và KBC (+0.20%).

Chứng khoán đóng cửa trong sắc xanh, bao gồm VCI (+4.30%), TCX (+2.88%), VCK (+2.38%), SSI (+0.51%), HCM (+0.43%) và VIX (+0.42%).

Bên cạnh đó, dòng vốn đổ vào các cổ phiếu vốn hóa lớn như VPL (+4.25%), BSR (+2.30%), MWG (+2.15%), VNM (+2.10%), MSN (+0.98%), MCH (+0.71%), GAS (+0.38%) và GVR (+0.31%).

Thị trường ghi nhận phiên tăng điểm cùng với sự gia tăng của thanh khoản, cho thấy lực cầu tại vùng giá thấp đã xuất hiện và phần nào hấp thụ áp lực bán trong phiên. Tuy nhiên, để đánh giá độ tin cậy của nhịp hồi phục này, diễn biến tiếp theo của chỉ số vẫn cần được theo dõi, đặc biệt là khả năng vượt qua các đường trung bình động chủ đạo.

## Vĩ mô & Chiến lược

### Chứng quyền có bảo đảm

#### Tâm lý tiêu cực

Trong tuần 40, thanh khoản trên thị trường có sự sụt giảm bất chấp số lượng chứng quyền phát hành thêm gia tăng. Cụ thể, khối lượng và giá trị giao dịch trong tuần ghi nhận ở mức 247.8 triệu chứng quyền/183.3 tỷ đồng, giảm tương ứng 14.6%/ 23.04% so với tuần trước đó.

Đối với giá trị giao dịch theo tài sản cơ sở, VPB và STB là những tài sản cơ sở có chứng quyền thu hút phần lớn hoạt động giao dịch với 25% tổng giá trị giao dịch. Xếp sau đó là các chứng quyền của các cổ phiếu như TCB, VHM, MSN, HPG và VIC.

Trong tuần vừa qua, hoạt động giao dịch trên thị trường chứng quyền có phần kém tích cực dù số lượng chứng quyền phát hành thêm gia tăng. Bên cạnh đó, số lượng chứng quyền giảm giá vẫn chiếm ưu thế, cho thấy tâm lý giao dịch còn thận trọng. Diễn biến này tương đối đồng thuận với thị trường cơ sở khi VNIndex giảm 2.6% trong tuần, qua đó phản ánh áp lực điều chỉnh tiếp tục ảnh hưởng đến cả hai thị trường.

### Market Trader

#### Khối ngoại bán ròng kỷ lục

- Hoạt động giao dịch trong nước

Trong tuần vừa qua, thanh khoản trên thị trường tiếp tục sụt giảm. Cụ thể, tổng giá trị giao dịch trên toàn thị trường đạt 154 nghìn tỷ đồng, giảm 3.6% so với tuần trước.

- Hoạt động giao dịch tự doanh

Nhóm tự doanh đảo chiều mua ròng mạnh trong tuần vừa qua, với tổng giá trị mua ròng đạt khoảng 1.9 nghìn tỷ đồng. Trong đó, các mã thu hút lượng vốn vào phần lớn tập trung ở HDB (+1.4 nghìn tỷ đồng), VPB (+905 tỷ đồng),

GMD (+154 tỷ đồng), VGC (+139 tỷ đồng) và FPT (+81 tỷ đồng).

Ở hướng ngược lại, các mã bị rút vốn nhiều nhất, bao gồm LPB (-510 tỷ đồng), TCB (-296 tỷ đồng), EIB (-100 tỷ đồng), NAB (-92 tỷ đồng) và MWG (-83 tỷ đồng).

► Hoạt động giao dịch khối ngoại

Trong tuần vừa qua, nhóm khối ngoại tiếp tục rút ròng mạnh. Cụ thể, tổng giá trị bán ròng lên đến 4.9 nghìn tỷ đồng, tăng mạnh 72.6% so với tuần trước. Đây cũng là con số rút ròng lớn nhất trong 4 tháng trở lại đây.

Trong đó, áp lực bán diễn ra chủ yếu ở các nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn như PNJ (-1.4 nghìn tỷ đồng), HDB (-936 tỷ đồng), VPB (-558 tỷ đồng), TCB (-423 tỷ đồng) và VHM (-403 tỷ đồng).

Ở hướng ngược lại, dòng tiền chủ yếu đến từ SBT (+159 tỷ đồng), FRT (+121 tỷ đồng), MSN (+89 tỷ đồng), DGW (+76 tỷ đồng) và PLX (+72 tỷ đồng).

## Lịch sự kiện

► Lịch sự kiện

| Ngày GDKHQ | Ngày thực hiện | Mã  | Sàn   | Nội dung sự kiện                   | Tỷ lệ thực hiện | Giá trị |
|------------|----------------|-----|-------|------------------------------------|-----------------|---------|
| 07/10/2026 | 07/10/2026     | GMD | HOSE  | Phát hành cổ phiếu                 | 50.00%          |         |
| 07/10/2026 |                | TID | UPCOM | Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản    |                 |         |
| 07/10/2026 |                | SHN | HNX   | Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản    |                 |         |
| 07/10/2026 | 16/10/2026     | PPS | HNX   | Trả cổ tức bằng tiền mặt (790/cp)  | 7.90%           | 790     |
| 07/10/2026 | 29/10/2026     | TV1 | UPCOM | Trả cổ tức bằng tiền mặt (1500/cp) | 15.00%          | 1,500   |
| 07/10/2026 | 16/10/2026     | MWG | HOSE  | Trả cổ tức bằng tiền mặt (1000/cp) | 10.00%          | 1,000   |
| 07/10/2026 | 19/10/2026     | PIA | HNX   | Trả cổ tức bằng tiền mặt (1500/cp) | 15.00%          | 1,500   |
| 07/10/2026 | 07/10/2026     | KDH | HOSE  | Phát hành cổ phiếu                 | 10.00%          |         |
| 07/10/2026 | 03/11/2026     | CLM | HNX   | Đại hội Cổ đông Bất thường         |                 |         |
| 07/10/2026 |                | MST | HNX   | Đại hội Cổ đông Bất thường         |                 |         |
| 07/10/2026 | 15/10/2026     | WTC | UPCOM | Trả cổ tức bằng tiền mặt (600/cp)  | 6.00%           | 600     |
| 07/10/2026 | 04/11/2026     | BIC | HOSE  | Trả cổ tức bằng tiền mặt (1200/cp) | 12.00%          | 1,200   |
| 08/10/2026 | 30/10/2026     | DVM |       | Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản    |                 |         |
| 08/10/2026 | 19/10/2026     | LNC | UPCOM | Trả cổ tức bằng tiền mặt (110/cp)  | 1.10%           | 110     |
| 08/10/2026 |                | SSG | UPCOM | Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản    |                 |         |
| 08/10/2026 | 16/10/2026     | SHS | HNX   | Trả cổ tức bằng tiền mặt (500/cp)  | 5.00%           | 500     |
| 08/10/2026 | 08/10/2026     | ANT | UPCOM | Phát hành cổ phiếu                 | 20.00%          |         |
| 08/10/2026 |                | BSI | HOSE  | Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản    |                 |         |
| 08/10/2026 |                | MDG | HOSE  | Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản    |                 |         |
| 08/10/2026 | 04/11/2026     | GDA | HOSE  | Trả cổ tức bằng tiền mặt (1000/cp) | 10.00%          | 1,000   |
| 08/10/2026 |                | TNH | HOSE  | Đại hội Cổ đông Bất thường         |                 |         |
| 08/10/2026 | 11/11/2026     | CCS |       | Trả cổ tức bằng tiền mặt (700/cp)  | 7.00%           | 700     |
| 08/10/2026 | 30/10/2026     | DNN | UPCOM | Đại hội Cổ đông Bất thường         |                 |         |
| 08/10/2026 | 22/10/2026     | USC | UPCOM | Trả cổ tức bằng tiền mặt (205/cp)  | 2.05%           | 205     |
| 08/10/2026 |                | VTG | UPCOM | Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản    |                 |         |
| 09/10/2026 | 09/10/2026     | HDB | HOSE  | Phát hành cổ phiếu                 | 5.00%           |         |
| 09/10/2026 | 09/10/2026     | HDB | HOSE  | Phát hành cổ phiếu                 | 25.00%          |         |
| 09/10/2026 | 23/10/2026     | HTC | HNX   | Trả cổ tức bằng tiền mặt (300/cp)  | 3.00%           | 300     |
| 09/10/2026 | 09/10/2026     | AGR | HOSE  | Phát hành cổ phiếu                 | 6.00%           |         |
| 09/10/2026 | 06/11/2026     | AST | HOSE  | Đại hội Cổ đông Bất thường         |                 |         |
| 09/10/2026 | 11/11/2026     | BTP | HOSE  | Trả cổ tức bằng tiền mặt (500/cp)  | 5.00%           | 500     |
| 09/10/2026 | 09/11/2026     | DPR | HOSE  | Đại hội Cổ đông Bất thường         |                 |         |

**■ Nguyên tắc đánh giá của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam với cổ phiếu dựa trên lợi nhuận kỳ vọng trong 12 tháng tới**

- MUA: Tổng lợi nhuận kỳ vọng là 15% hoặc hơn.
- Giữ: Tổng lợi nhuận kỳ vọng từ -5% đến 15%.
- Bán: Tổng lợi nhuận kỳ vọng là -5% hoặc thấp hơn.
- CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam không cung cấp giá mục tiêu với cổ phiếu khuyến nghị Giữ hoặc Bán.

**■ Nguyên tắc đánh giá của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam với ngành trong 12 tháng tới**

- Nâng tỷ trọng: Khuyến nghị tăng tỷ trọng của ngành trong danh mục so với tỷ trọng dựa trên vốn hóa của ngành trong VNIndex.
- Trung lập: Khuyến nghị giữ tỷ trọng của ngành trong danh mục bằng với tỷ trọng dựa trên vốn hóa của ngành trong VNIndex.
- Giảm tỷ trọng: Khuyến nghị giảm tỷ trọng của ngành trong danh mục so với tỷ trọng dựa trên vốn hóa của ngành trong VNIndex.

**■ Xác nhận của chuyên viên phân tích**

Chúng tôi, chuyên viên phân tích thực hiện báo cáo này, xác nhận rằng báo cáo phản ánh chính xác quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty được phân tích trong báo cáo. Chúng tôi cũng xác nhận rằng chúng tôi đã, đang và sẽ không nhận được các khoản lợi ích cá nhân nào, liên quan đến khuyến nghị và quan điểm trong báo cáo, một cách trực tiếp hoặc gián tiếp.

## Miễn Trừ Trách Nhiệm

Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing cho chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi phòng phân tích của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chép, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam.

Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyển bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.

Bản quyền © 2026 của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Báo cáo này không được sao chép, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam.